

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2020
V/v ly hôn giữa ông M và bà Ph

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thi
2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2020/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn M, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 22/6/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Hồ Văn M trình bày: ông và bà Ph tổ chức lễ cưới năm 1990, do tìm hiểu tự nguyện, vợ chồng đã từng ly hôn, sau đó đoàn tụ và có đăng ký kết hôn lại vào ngày 19/11/2008 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc bình thường, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không quan tâm đến nhau, khi ông bệnh bà Ph cũng không lo lắng chăm sóc ông nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2016 đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng không nói chuyện và chuyện ai nấy lo, hiện ông dọn ra nhà bạn ông ở từ 2 tháng nay. Nay ông xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Ph.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Hoài T, sinh ngày 10/12/1994 đã trưởng thành.

Về chia tài sản: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ph trình bày: về thời gian cưới, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống, thời gian ly thân đúng như ông M trình bày. Bà thừa nhận vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng không còn quan tâm nhau, bà không lo cho ông M vì ông M thường xuyên xúc phạm bà, có những lời lẽ chửi bới thiếu tôn trọng bà và cả cha mẹ bà. Ông M cũng không phụ bà lo cho con, bỏ mặc bà kiếm tiền nuôi con ăn học và xoay sở mọi chi phí trong gia đình, ông M đối xử rất tệ với bà nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông M vì hiện giờ con chung vẫn còn học liên thông đại học, bà không muốn ảnh hưởng đến con sau này khi lập gia đình sẽ mang tiếng có cha mẹ ly hôn. Mặt khác, trước đây bà và ông M đã từng ly hôn, sau đó đến năm 2008 mới hòa hợp và đăng ký kết hôn lại, bà không muốn lại ly hôn lần nữa vì cả hai đều đã lớn tuổi.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Hoài T, sinh ngày 10/12/1994 đã trưởng thành.

Về chia tài sản: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

- Ông M trình bày: ông giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì ông không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với bà Ph, ông không còn tình cảm với bà Ph, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn.

- Bà Ph trình bày: ông M luôn xúc phạm bà nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông M vì bà muốn có cuộc sống ổn định vì bà và ông M đều đã lớn tuổi, việc ly hôn cũng sẽ ảnh hưởng đến tương lai con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị Kim Ph đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2008 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Ông M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Ph là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ vợ chồng: nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo ông M trình bày là mặc dù sống chung nhà nhưng từ năm 2016 đến nay cả hai vợ chồng không còn tình cảm, khi ông bệnh bà Ph cũng không quan tâm chăm sóc gì đến ông nên nay ông yêu cầu ly hôn với bà Ph; đối với bà Ph thì xác

định từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã ly thân, ông M không tôn trọng bà và thường xuyên mắng chửi bà nên bà mới không quan tâm đến ông M, tuy nhiên bà không muốn ly hôn với ông M vì sợ ảnh hưởng đến cuộc sống của bà và con chung. Cả hai đều thừa nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy: giữa ông M và bà Ph đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông M kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà Ph, bà Ph không đồng ý ly hôn nhưng bà Ph không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng; Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử chấp nhận cho ông M được ly hôn với bà Ph.

[3] Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Hoài T, sinh ngày 10/12/1994 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập đến việc nuôi con chung.

[4] Do các đương sự đều trình bày không yêu cầu giải quyết tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: ông M được miễn án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn M đối với bà Nguyễn Thị Kim Ph về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: ông Hồ Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Ph.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Hoài T, sinh ngày 10/12/1994 đã thành niên.

Về án phí: ông M được miễn án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại ông M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008655 ngày 06/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang